

Bản án số:69/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29/11/2018

V/v “ *Tranh chấp về hôn nhân gia đình* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Minh Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Trung.
2. Ông Viêm Văn Doãn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện VKSND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Hồ Thị Lê - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:440/2018/TLST - HNGĐ, ngày 24/7/2018 về việc “ *Tranh chấp về hôn nhân gia đình* ”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:83/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; HKTT: Khu K, phường K, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Số 32, phường V, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau.

Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thu H đăng ký kết hôn tháng 10/1986 tại UBND xã Khúc Xuyên, huyện Yên Phong, tỉnh Hà Bắc (Nay là phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh). Trước khi kết hôn anh H và chị H có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh H tại khu K, phường K, thành phố BN và thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận. Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Hồng Nh, sinh ngày 05/7/1991, Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 20/02/1995 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/12/2003. Theo anh Nguyễn Văn H mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng năm 2008 và nguyên nhân là do đề kinh tế, vợ chồng không

cùng nhau chia sẻ dẫn đến bất đồng. Khoảng năm 2009 chị H chuyển ra ngoài và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh thấy vợ chồng không còn tình cảm, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Hồng Nh, sinh ngày 05/7/1991, Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 20/02/1995 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/12/2003. Khi ly hôn anh xin được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Thành Đ. Còn 02 cháu Nguyễn Hồng Nh và Nguyễn Thị Hồng V đã đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thu H xác nhận phần trình bày của anh Nguyễn Văn H về thời điểm kết hôn, vấn đề con chung là đúng. Theo chị H mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng năm 2011 và nguyên nhân là do anh H không quan đến gia đình vợ con, sống không chung thủy dẫn đến vợ chồng xảy ra xích mích. Khoảng năm 2011 anh H về nhà ở ở khu K, phường K sinh sống. Tuy vợ chồng vẫn đi lại vì con cái nhưng tình cảm vợ chồng đã không còn được như trước. Nay anh H làm đơn xin ly hôn với chị gửi Tòa án chị không muốn ly hôn nhưng nếu anh H vẫn nhất quyết đòi ly hôn chị cũng đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Hồng Nh, sinh ngày 05/7/1991, Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 20/02/1995 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/12/2003. Nếu phải ly hôn con chung là cháu Nguyễn Thành Đ muốn ở với ai là quyền của cháu, chị tôn trọng nguyện vọng của cháu Đ. Còn 02 cháu Nguyễn Hồng Nh, Nguyễn Thị Hồng V đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị chỉ đề nghị Tòa án xem xét đến 32 năm chị làm vợ anh H xem chị có được hưởng quyền lợi gì khi vợ chồng ly hôn theo quy định của pháp luật hay không.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

Về con chung: Khi ly hôn anh xin được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/12/2003. Còn 02 cháu Nguyễn Hồng Nh, Nguyễn Thị Hồng V đã đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt và không có lý do chính đáng. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của

nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu H không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX.

Căn cứ vào các Điều 147; 239; 243; 248; 260; 264; 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/12/2003 cho anh H nuôi dưỡng và chăm sóc.

- Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét do anh H không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu xem xét giải quyết.

Bác yêu cầu của chị H đòi hỏi về quyền lợi 32 năm làm vợ anh H vì pháp luật không quy định và đây là sự tự nguyện của các bên.

Ghi nhận việc anh H tự nguyện hỗ trợ cho chị H số tiền là 20.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thu H đăng ký kết hôn tháng 10/1986 tại UBND xã Khúc Xuyên, huyện Yên Phong, tỉnh Hà Bắc (Nay là phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh). Trước khi kết hôn anh H và chị H có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị H là có thật và nguyên nhân là do vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau. Từ những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày nhưng không được các bên giải quyết triệt để dẫn đến quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng, hiện vợ chồng đã ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị H. Tại phiên hòa giải chị H cũng đồng ý ly hôn với anh H vì vợ chồng không còn tình cảm. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện anh H và chị H đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau nên cần căn cứ theo điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H với chị H.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa anh H xin được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/12/2003. Còn 02 cháu Nguyễn

Hồng Nh, Nguyễn Thị Hồng V đã đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết. Xét thấy cháu Đ hiện đang sống cùng anh H và theo học tại trường THCS Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh và được chăm sóc đầy đủ. Để tránh làm sáo trộn cuộc sống của cháu Đ khi bố mẹ ly hôn cũng như để đảm bảo mọi quyền lợi cho cháu Đ tại thời điểm hiện tại cần giao cháu Đ cho anh H nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và nguyện vọng của cháu Đ. Còn 02 cháu Nguyễn Hồng Nh, Nguyễn Thị Hồng V đã đủ 18 tuổi cả anh H và chị H đều không yêu cầu Tòa giải quyết do vậy không đặt ra xem xét.

Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét do anh H không yêu cầu.

Chị H được quyền thăm nom con chung song không được làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của anh H và cháu Đ. Không ai được cản trở quyền này của chị H.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy không đặt ra xem xét.

Không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị H đòi hỏi về quyền lợi 32 năm chị làm vợ anh H vì pháp luật không quy định và đây là sự tự nguyện của anh H và chị H khi kết hôn và chung sống với nhau.

Ghi nhận việc anh H tự nguyện hỗ trợ cho chị H số tiền là 20.000.000đ khi ly hôn.

[5] Anh H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 147; 239; 243; 248; 260; 264; 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/12/2003 cho anh H nuôi dưỡng và chăm sóc. Còn 02 cháu Nguyễn Hồng Nh, Nguyễn Thị Hồng V đã đủ 18 tuổi cả anh H và chị H đều không yêu cầu Tòa giải quyết do vậy không đặt ra xem xét.

- Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét do anh H không yêu cầu.

Chị H được quyền thăm nom con chung song không được làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của anh H và cháu Đ, không ai được cản trở quyền này của chị H.

3. Về tài sản chung, công nợ: Anh H và chị H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị H đòi hỏi về quyền lợi 32 năm chị làm vợ anh H vì pháp luật không quy định và đây là sự tự nguyện của anh H và chị H khi kết hôn và chung sống với nhau.

Ghi nhận việc anh H tự nguyện hỗ trợ cho chị H số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) khi ly hôn.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh H đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số: AA/2017/0004851 ngày 19/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc ngày niêm yết kết quả bản án.

Trường bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS thành phố;
- THADS thành phố;
- Những người tham gia TT;
- Lưu HS, VP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Chu Minh Nam

